

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1563/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1964.

Địa chỉ HKTT: tổ T, khu phố F, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: khu phố S, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ HKTT: tổ T, khu phố F, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D, bà T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Công D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thanh T chung sống với nhau vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Ngày 16/5/2023, ông đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà T. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn, bản thân ông cũng muốn có thêm thời gian để vợ chồng có thể hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên kể từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 4/4/1988 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 27/10/1989. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai ngày 16 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Bà xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên đồng ý ly hôn ông D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 4/4/1988 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 27/10/1989. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Công D và bị đơn bà Trần Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D xin ly hôn bà T, bà T là bị đơn và hiện đang cư trú tại: tổ T, khu phố F, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự và đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông D, bà T tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/1987, quyển số 139 vào ngày 08/6/1987 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay ông D xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của ông D:

Theo lời khai của nguyên đơn, lý do ông xin ly hôn bà T vì quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên bà đồng ý ly hôn ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông D, bà T là có thật và hiện đã rất trầm trọng, đã được các đương sự thừa nhận. Ông D đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân và không còn quan T, tôn trọng nhau. Cả ông D bà T đều có đơn xin vắng

mặt thể hiện ông bà không muốn hòa giải đoàn tụ và đều mong muốn được ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Công D, cho ông Nguyễn Công D được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Các đương sự đều thống nhất khai: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 4/4/1988 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 27/10/1989. Các con chung đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự khai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Ông Nguyễn Công D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên ông D đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ **Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công D với bị đơn bà Trần Thị Thanh T về việc “Ly hôn”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1964 được ly hôn bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1966.

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 04/4/1988 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 27/10/1989. Các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Công D.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND THÀNH PHỐ. B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS THÀNH PHỐ. B ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Tám